

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 6 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Lợi.
2. Ông Trần Trọng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Bình. (Tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hồng T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà ông bà nội được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, anh T không chăm lo vun vén cho gia đình. Vì vậy từ tháng 8/2017 hai vợ chồng đã sống lý thân cho đến nay, không còn gặp gỡ và liên lạc gì với nhau. Chị M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Hồng T.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2018 anh Phạm Hồng T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/11/2016. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau này xảy ra nhiều cãi vã do tính tình hai vợ chồng không hợp, tháng 8/2017 chị M bỏ về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M làm đơn khởi kiện ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai và không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không chấp hành đúng theo thời gian ấn định trong thông báo các phiên hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó, cán bộ Tòa án cùng với đại diện chính quyền phường T đã làm việc với anh T tại (nhà bố mẹ đẻ của anh T) tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, nhưng anh T không hợp tác nên Tòa án không tiến hành được các thủ tục theo quy định. Anh T không chấp hành các thông báo của tòa án, không muốn đến tòa án để giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Phạm Hồng T, sinh năm 1981, cư trú tại: tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Hồng T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/11/2016, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp được nhà nước công nhận, nay

có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị M và anh T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, anh T không chăm lo làm ăn, chơi bời. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Xét trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm giữa các bên đương sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung

[6] Về tài sản chung, nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án các bên khai nhận, thống nhất không có tài sản chung. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Phạm Hồng T trình bày sau khi kết hôn, vợ của anh là chị Nguyễn Thị M có vay mượn của bố mẹ chồng số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền này anh trực tiếp nhận của bố mẹ và giao cho chị M nhưng do tin tưởng nên các bên không xác lập bằng văn bản. Do không có các chứng cứ chứng minh cho việc vay mượn nên anh cũng không yêu cầu tòa án giải quyết. Số nợ trên vợ chồng sẽ tự thỏa thuận giải quyết với bố mẹ.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phạm Hồng T.
3. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không xem xét.
4. Về quan hệ tài sản: Hai bên không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Mười đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002026 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án

hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn